

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cao Bằng
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính Phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính Phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 8/2/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng Ban hành Quy chuẩn Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2011/TT-BXD ngày 09/6/2011 của Bộ Xây dựng quy định việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định 512/QĐ-UBND ngày 11/4/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 22/3/2012 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế quy hoạch xây dựng đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2012-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Cao Bằng đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 279/BXD-QHKT ngày 10/02/2015 của Bộ Xây dựng về việc ý kiến đối với đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2012-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1880/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt điều chỉnh Nhiệm vụ thiết kế quy hoạch xây dựng đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2012-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 2227/SXD-BCTĐ ngày 26/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cao Bằng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cao Bằng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000.

2. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

- Phạm vi nghiên cứu đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cao Bằng gồm toàn bộ phần ranh giới hành chính thành phố hiện nay, bao gồm:

+ 08 phường: Hợp Giang, Sông Bằng, Tân Giang, Sông Hiến, Đề Thám, Ngọc Xuân, Duyệt Trung, Hoà Chung;

+03 xã: Chu Trinh, Hưng Đạo, Vĩnh Quang;

+ Một phần xã Bạch Đằng, xã Lê Chung (huyện Hoà An).

- Các phía tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông giáp: xã Quang Trung, xã Hà Trì, huyện Hoà An;

+ Phía Tây giáp: xã Bình Dương, xã Hoàng Tung, huyện Hoà An;

+ Phía Nam giáp: xã Kim Đồng, huyện Thạch An và xã Lê Chung, xã Bạch Đằng, huyện Hoà An;

+ Phía Bắc giáp: xã Bé Triều, xã Ngũ Lão, huyện Hoà An.

3. Tính chất, chức năng đô thị:

3.1. Tính chất:

- Là trung tâm hành chính, chính trị, giao lưu kinh tế, văn hoá giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật của tỉnh Cao Bằng.

- Là trung tâm sản xuất công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

- Là đầu mối giao thông, cơ sở hạ tầng quan trọng của Quốc gia; Là đô thị dịch vụ trung chuyển quan trọng trên tuyến hành lang phát triển Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng với Quảng Tây (Trung Quốc).

- Là địa bàn quan trọng về an ninh, quốc phòng.

3.2. Chức năng:

- Trung tâm hành chính, chính trị của tỉnh Cao Bằng.

- Trung tâm công nghiệp của tỉnh và vùng phụ cận. Phát triển công nghiệp gắn kết với khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng. Phát triển thêm các loại hình công nghiệp sạch, ít gây ô nhiễm như công nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến nông lâm sản.

- Trung tâm thương mại dịch vụ tài chính, ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, cung ứng; các dịch vụ y tế và đào tạo.

- Trung tâm phân phối, trung chuyển hàng hóa, mua sắm, giải trí của các hướng từ cửa khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh, Sóc Giang về thủ đô Hà Nội và từ các tỉnh miền núi phía Tây bắc về phía biển Quảng Ninh và ngược lại.

- Trung tâm văn hoá lịch sử gắn kết cố đô xưa của thành phố Cao Bằng và trung tâm dịch vụ du lịch cho các tuyến du lịch quan trọng của Quốc gia (Cao Bằng - Bắc Kạn - Thái Nguyên và các tỉnh Đồng bằng Bắc bộ) và các tuyến du lịch nội vùng (Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng - Lạng Sơn).

4. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hoá quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Cao Bằng đến năm 2030; các quy hoạch chuyên ngành của tỉnh Cao Bằng và thành phố Cao Bằng về định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật hướng tới mục tiêu phát triển thành phố Cao Bằng trở thành đô thị loại II vào năm 2020.

- Tạo lập hình ảnh đô thị, cải thiện chất lượng cuộc sống cho tất cả người dân, đáp ứng nhu cầu phát triển mới, hội nhập với sự phát triển của vùng và khu vực, tạo đà thúc đẩy quá trình đô thị hoá và tăng trưởng kinh tế.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý sử dụng đất đai, lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, triển khai các chương trình phát triển và các dự án đầu tư.

5. Thời hạn quy hoạch:

- Quy hoạch ngắn hạn (đợt đầu): đến năm 2020.

- Quy hoạch dài hạn: đến năm 2030.

- Tầm nhìn quy hoạch: đến năm 2050.

6. Quy mô đất đai, dân số:

6.1. Quy mô đất đai:

Quy mô diện tích nghiên cứu quy hoạch: 13.500 ha.

6.2. Quy mô dân số:

- Dân số dự báo đến năm 2020: 90.000 người.
- Dân số dự báo đến năm 2030: 120.000 người.

7. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

Tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật của đồ án tính toán lấy theo mục tiêu: thành phố Cao Bằng đạt tiêu chí đô thị loại II vào năm 2020.

8. Quy hoạch sử dụng đất:

Cơ cấu sử dụng đất theo giai đoạn quy hoạch như sau:

STT	Danh mục đất	Quy hoạch đến 2020			Quy hoạch đến 2030		
		Diện tích (ha)	Chỉ tiêu m ² /ng	Tỷ lệ %	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu m ² /ng	Tỷ lệ %
	Tổng đất nghiên cứu (I+II)	13.500,0			13.500,0		
I	ĐẤT THÀNH PHỐ CAO BẰNG	10.762,8			10.762,8		
I.1	ĐẤT NỘI THỊ	5605,9			7084,86		
*	Đất xây dựng (A+B)	1.568,37		100	2.367,37		100
A	Đất dân dụng khu ở	916,31	121	58,42	1254,95	115	53,01
1	Đất ở	684,21	90	43,63	873,14	80	36,88
	<i>Đất ở hiện trạng cải tạo</i>	535,57		34,15	547,4		23,12
	<i>Đất ở mới</i>	148,64		9,48	325,74		13,76
2	Đất công cộng khu ở	45,8	6	2,92	75,45	7	3,19
3	Đất cây xanh công viên và cảnh quan	75,5	10	4,81	120,66	11	5,1
4	Đất giao thông nội thị	110,8	15	7,06	185,7	17	7,84
B	Đất ngoài dân dụng	652,06		41,58	1112,42		46,99
1	Đất công cộng	86,23		5,5	132,99		5,62
	<i>Đất công cộng khác(Cung văn hóa, nhà thiếu nhi)</i>	11,2		0,71	15,8		0,67
	<i>Đất y tế</i>	4,3		0,27	6,2		0,26
	<i>Đất Trường chuyên nghiệp, cao đẳng đại học</i>	14		0,89	21,4		0,9

	Đất cơ quan	56,73	3,62	89,59	3,78
2	Đất dịch vụ hỗn hợp	58,6	3,74	112,56	4,75
3	Đất dịch vụ du lịch	7,6	0,48	38,4	1,62
4	Đất cây xanh công viên - TDTT tập trung	25,7	1,64	42,5	1,8
5	Cây xanh cảnh quan mặt nước	25,3	1,61	40,8	1,72
6	Đất lâm viên	60	3,83	206,2	8,71
7	Đất cây xanh cách ly	20,3	1,29	50,5	2,13
8	Đất công nghiệp, kho tàng	105,4	6,72	115,14	4,86
9	Đất trung chuyển hàng hóa	5	0,32	20,0	0,84
10	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	13,5	0,86	20,9	0,88
11	Đất khai thác khoáng sản	68	4,34	131,6	5,56
12	Đất nghĩa trang	21,85	1,39	53,0	2,24
13	Đất di tích tôn giáo	3,77	0,24	3,77	0,16
14	Đất an ninh quốc phòng	55,21	3,52	55,21	2,33
15	Đất giao thông đối ngoại	95,6	6,1	120	5,07
16	Đất dự trù phát triển			52,2	2,2
**	Đất khác	4.037,53		4.717,49	
1	Đất nông nghiệp ngoại thị (Hoa màu, lúa)	923,63		883,29	
2	Đất nông nghiệp đô thị	178,2		162,5	
3	Đất lâm nghiệp	2750		3456	
4	Kênh mương thủy lợi, mặt nước ao hồ	185,7		215,7	
5	Đất trống				
I.2	ĐẤT NGOẠI THỊ	5.156,9		3.677,94	
A	Đất các công trình tạo thị	158,93		222,85	
1	Đất ở mới	15,7		20,3	

2	Đất công cộng	2,8		4,5	
3	Đất y tế	1,3		1,85	
4	Đất trường học	4,48		5,35	
5	Đất cơ quan	0,65		0,65	
6	Đất công nghiệp, kho tàng	75		100,2	
7	Đất trung chuyển hàng hóa	5		20	
8	Đất cây xanh	6		10	
9	Đất giao thông	48		60	
B	Đất khác	4.927,97		3.305,29	
1	Đất ở hiện trạng cải tạo	135,2		95,2	
2	Đất khác (Lâm nghiệp, nông nghiệp, kênh mương mặt nước)	4792,77		3210,09	
3	Đất dự trữ phát triển	105		235	
II	ĐẤT KHU VỰC NGHIÊN CỨU MỞ RỘNG (Xã Bạch Đằng, xã Lê Chung)	2.737,2		2.737,2	
1	Đất ở làng xóm	37,9		40,8	
2	Đất công cộng	16,3		17,4	
3	Đất giáo dục	4,5		6	
4	Đất cây xanh	3,2		3,5	
5	Đất dịch vụ du lịch	5,5		19,3	
6	Đất công trình đầu mối	2		3	
7	Đất nghĩa trang	9,7		13,5	
8	Đất công nghiệp kho tàng	5,8		8,65	
9	Đất quốc phòng	106,32		106,32	
10	Đất di tích lịch sử văn hóa	0,12		0,12	
11	Đất dự trữ phát triển			200	

12	Đất khác (Lâm nghiệp, nông nghiệp, kênh mương mặt nước)	2.545,86			2.318,61		
----	---------------------------------------------------------	----------	--	--	----------	--	--

9. Định hướng phát triển đô thị:

9.1. Phân khu chức năng:

Gồm 11 phân khu chức năng chính:

STT	Chức năng	Vị trí	Quy mô (ha)	Dân số (người)
Khu số 1	Khu đô thị dịch vụ du lịch Cao Bình	Phía Tây Bắc thành phố, thuộc địa giới hành chính xã Hưng Đạo.	455	11.000
Khu số 2	Khu, cụm công nghiệp, trung chuyển hàng hóa và nhà ở xã hội	Phía Tây Nam thành phố, thuộc một phần địa giới hành chính xã Hưng Đạo và phường Đề Thám.	424	7.000
Khu số 3	Khu đô thị phức hợp Đề Thám - Khu trung tâm hành chính tỉnh.	Phía Tây thành phố, thuộc địa giới hành chính phường Đề Thám.	1.120	24.200
Khu số 4	Khu đô thị thương mại dịch vụ cửa ngõ phía Bắc.	Phía Bắc thành phố, thuộc địa giới hành chính phường Ngọc Xuân.	590	4.000
Khu số 5	Khu đô thị thương mại dịch vụ bổ trợ khu vực trung tâm hiện hữu.	Phía Tây thành phố, thuộc địa giới hành chính phường Sông Hiến.	486	17.300
Khu số 6	Khu trung tâm tổng hợp hiện hữu - Khu trung tâm hành chính thành phố.	Trung tâm thành phố, thuộc địa giới phường Hợp Giang và Sông Bằng.	395	23.000
Khu số 7	Khu đô thị thương mại dịch vụ hỗ trợ.	Phía Nam thành phố, thuộc địa giới hành chính phường Hòa Chung.	370	12.000
Khu số 8	Khu đô thị thương mại dịch vụ hỗ trợ.	Phía Nam thành phố, thuộc địa giới hành chính phường Tân Giang.	148	8.000
Khu số 9	Khu đô thị thương mại dịch vụ cửa ngõ Đông Nam.	Phía Đông Nam thành phố, thuộc địa giới hành chính phường Duyệt Trung.	163	7.000
Khu số 10	Khu, cụm công nghiệp tập trung.	Phía Đông Nam thành phố, thuộc địa giới hành chính xã Chu Trinh.	280	1.500
Khu số 11	Khu dân cư nông thôn và rừng.	Là vùng không gian làng xóm thuộc các xã Vĩnh Quang, xã Chu Trinh, xã Bạch Đằng và xã Lê Chung.	6.431,8	5.000
TỔNG			10.762,8	120.000

9.2. Định hướng phát triển không gian kiến trúc cảnh quan

9.2.1 Hệ thống trung tâm thành phố

9.2.1.1 Trung tâm hành chính:

- Trung tâm hành chính cấp tỉnh: Tại trung tâm Khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng.

- Trung tâm hành chính cấp thành phố: Giữ nguyên vị trí hiện nay tại khu vực trung tâm phường Hợp Giang và bổ sung thêm các trụ sở cơ quan ban ngành của tỉnh như UBND tỉnh, Tỉnh ủy và một số sở, ban, ngành khi được di dời lên Khu trung tâm hành chính mới sẽ chuyển đổi, bổ sung cho trung tâm hành chính của thành phố. Hình thành tuyến phố thương mại dịch vụ, các không gian đi bộ liên hoàn gắn kết với không gian cây xanh vườn hoa, cây xanh ven sông Bằng, sông Hiến. Chính trang các tuyến phố trung tâm, tăng cường thêm tiện ích đô thị như biển báo, chiếu sáng.

9.2.1.2 Trung tâm văn hóa, thể dục - thể thao:

- Trung tâm văn hóa: diện tích khoảng 17ha. Duy trì nâng cấp các công trình: Bảo tàng, Thư viện tỉnh. Hoàn thiện quảng trường tượng đài Bác Hồ. Xây mới trung tâm hỗn hợp thương mại, triển lãm, văn hóa thành phố quy mô 5 ha tại phía Tây khu đô thị mới Đề Thám; Các trung tâm văn hóa cấp phường: được xây dựng trong các khu đô thị mới quy mô 0,5ha/Nhà văn hóa.

- Trung tâm thể dục - thể thao (TDTT):

+ Trung tâm TDTT cấp tỉnh được định hướng xây dựng mới tại khu vực Khuổi Kép quy mô khoảng 68 ha bao gồm tổ hợp Sân vận động, nhà thi đấu đa năng, sân tập luyện thể thao và các công trình dịch vụ hỗ trợ;

+ Trung tâm cấp thành phố sẽ sử dụng một số cơ sở vật chất cấp tỉnh như: sân vận động tại phường Hợp Giang chuyển về cho thành phố để đảm bảo nhu cầu hoạt động và tổ chức các sự kiện cho người dân thành phố.

9.2.1.3 Trung tâm y tế, giáo dục:

- Trung tâm y tế: Quy mô khoảng 10 ha. Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Xây thêm 02 trung tâm dịch vụ y tế tại phía Đông phường Sông Bằng và phía Nam khu đô thị mới Đề Thám. Nâng cấp, cải tạo các trạm y tế cấp phường hiện có, bổ sung xây mới các cơ sở y tế tại các khu đô thị mới.

- Trung tâm giáo dục: Quy mô khoảng 22ha.

+ Các trường cao đẳng, trung cấp và dạy nghề hiện có được giữ nguyên vị trí, nâng cấp cải tạo chính trang nhằm đảm bảo môi trường học tập cho học sinh, sinh viên. Nâng cấp Trường Trung cấp Y tế thành trường Cao đẳng Y tế;

+ Hình thành khu trung tâm đào tạo tại phía Nam khu đô thị mới Đề Thám thành một quần thể trung tâm đào tạo với quy mô khoảng 10- 15ha. Trong tương lai, hướng tới trở thành một trung tâm đào tạo nghề gắn với thực hành, thực nghiệp có chất lượng cao. Các ngành nghề đào tạo chủ yếu gồm công nghệ ô tô, cơ khí, điện công nghiệp, điện tử tự động hoá, công nghệ thông tin, đào tạo lao động phục vụ các ngành nghề phục vụ việc phát triển công nghiệp và dịch vụ trung chuyển, dịch vụ du lịch;

+ Giáo dục phổ thông trung học: Quy mô dân số nội thị dự báo đến 2030 là 75.700 người, ngoài 3 trường THPT đã có, xây mới 1 trường trung học phổ thông (quy mô 2-3ha/trường).

9.2.1. 4 Trung tâm thương mại dịch vụ: Tổng diện tích khoảng 86,5ha.

- Không gian trung tâm dịch vụ trung chuyển phía Tây và phía Đông Nam: Xây dựng các công trình dịch vụ kho vận, trung tâm thương mại, có khối tích lớn, tầng cao trung bình theo dọc trục trung tâm. Các công trình dịch vụ về ăn nghỉ, giải trí, mua sắm nhỏ tổ chức phía sau.

- Trung tâm hội chợ triển lãm: thực hiện vai trò đầu mối để đưa hàng hoá của tỉnh tham gia vào các hội chợ, triển lãm quốc tế; cung cấp các dịch vụ hàng hóa tiêu dùng, bán buôn, xuất nhập khẩu với quy mô 5ha, tại phía Tây Nam khu đô thị Đề Thám. Cấu trúc của trung tâm hội chợ, triển lãm bao gồm chủ yếu các khu như: Khu trưng bày, giới thiệu hàng hoá; Khu dịch vụ; Khu quản lý của trung tâm.

- Trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp tại phía Tây Nam, cửa ngõ giữa tuyến đường phía Nam giao với tuyến đường QL3 đi vào trung tâm thành phố: Xây dựng các khối nhà cao tầng của các tổ hợp thương mại, chung cư, văn phòng cho thuê, trung tâm văn hóa với bố cục giảm dần tầng cao từ các khu chức năng ra phía vùng lâm viên đồi rừng. Tại các điểm giao nhau giữa các tuyến đường trục chính như tuyến 58m, tuyến tránh QL3, tuyến đường nối QL3,4 với các tuyến đường liên khu vực sẽ xây dựng các tổ hợp các công trình thương mại dịch vụ cao tầng hội tụ hướng tâm với các quảng trường mở hướng về các nút giao thông.

- Chợ đầu mối: Trên cơ sở khai thác lợi thế giao thoa của các tuyến hàng lang giao thông quan trọng và gắn kết với khu trung chuyển hàng hóa. Xây dựng thêm 02 chợ đầu mối với quy mô từ 3-5ha/01 chợ, sẽ là nơi tập trung hàng hóa, sản phẩm của tỉnh, trung tâm giao thương, bán buôn tập kết hàng hóa và phát luồng phân phối đến các vùng, địa phương khác hoặc xuất khẩu. Chợ số 01 tại khu vực phía Tây gắn với hành lang QL3, QL34. Chợ số 02 tại khu vực phía Đông Nam gắn với hành lang QL4. Bố trí gắn kết với các trung tâm trung chuyển hàng hóa được quy hoạch của thành phố.

- Hệ thống siêu thị và trung tâm thương mại xây dựng để cung ứng cho hệ thống thị trường hàng tiêu dùng nội tỉnh và các khu vực lân cận của thành phố. Mạng lưới trung tâm thương mại sẽ là hạt nhân để hình thành một trục thương mại kết nối các khu vực đô thị trung tâm với các loại hình tổ chức thương mại được đầu tư hiện đại, có đầy đủ các chức năng dịch vụ để trở thành không gian thương mại chính của tỉnh. Dự kiến xây dựng mới 3 siêu thị trong đó có 1 siêu thị hạng 1 quy mô 1-1,5ha/siêu thị; 5 trung tâm thương mại bố trí tại trung tâm của 3 khu đô thị lớn: Khu đô thị Đề Thám, Khu đô thị Sông Hiến và Khu đô thị Sông Bằng. Các trung tâm thương mại kết hợp với các trục phố thương mại, dịch vụ để hình thành mô hình chuyên doanh các loại hàng hoá theo khu vực. Tổ chức các khu vực xây dựng các văn phòng làm việc của các tập đoàn, tổng công ty đặt trụ sở đầu mối và chi nhánh tại trung tâm các khu vực phát triển mới nhằm thu hút tài chính và các dịch vụ đi kèm.

Xây dựng mạng lưới chợ nội thị trên cơ sở đầu tư nâng cấp các chợ hiện nay trong nội thị cũ, chợ xây mới trong các đô thị mới, quy mô: 0,5-1ha/1chợ.

- Khu vực lõi trung tâm các khu ở mới: Xây dựng các công trình công cộng dịch vụ và các công trình hạ tầng xã hội phục vụ cho dân cư nhằm tạo dựng các khu ở đồng bộ, hiện đại nhằm tạo dựng các lõi xanh, sinh thái và là nơi sinh hoạt cộng đồng hấp dẫn cho cư dân.

9.2.2 Quy hoạch các khu vực phát triển công nghiệp, trung chuyển hàng hóa, kho tàng

9.2.2.1 Quy hoạch khu vực sản xuất công nghiệp:

- Hoàn thiện khu liên hợp gang thép Cao Bằng tại xã Chu Trinh và định hướng phát triển một Khu công nghiệp tập trung cho thành phố với quy mô khoảng 90 ha.

- Khu công nghiệp Đề Thám cũ kiến nghị giữ lại khoảng 20ha để chuyển đổi thành Cụm công nghiệp cho thành phố Cao Bằng. Quỹ đất còn lại của Khu công nghiệp sẽ được chuyển đổi trở thành đất dành cho phát triển đô thị.

- Quy hoạch mới một Cụm công nghiệp cho thành phố tại xã Hưng Đạo với quy mô khoảng 70ha, gần Công ty cổ phần Gốm xây dựng Nam Phong hiện tại để từng bước di dời các nhà máy, cơ sở sản xuất trong thành phố.

- Chuyển đổi khu nhà máy xi măng hiện tại thành cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến nông lâm sản với quy mô khoảng 10ha.

9.2.2.2 Khu trung chuyển hàng hóa:

- Quy hoạch 02 Khu trung chuyển hàng hóa với tổng diện tích khoảng 20ha tại vị trí thuận lợi cho việc quá cảnh hàng hóa và tiếp cận kinh doanh để khai thác lợi thế của hai tuyến hành lang quan trọng là tuyến QL3 và tuyến đường QL4:

+ Khu trung chuyển hàng hóa phía Tây Nam gắn kết với tuyến đường QL3, QL34 kết nối với cụm công nghiệp tập trung của thành phố, quy mô: 10ha (giai đoạn đầu 5ha).

+ Khu trung chuyển hàng hóa tại phía Đông Nam gắn kết với tuyến đường QL4, kết nối với Khu công nghiệp Chu Trinh, cụm công nghiệp sản xuất VLXD và nông lâm sản, quy mô 10 ha (giai đoạn đầu 5ha).

9.2.3 Các vùng cảnh quan tự nhiên và trực tuyến cảnh quan chính

9.2.3.1 Vùng cảnh quan tự nhiên và trực cảnh quan tự nhiên:

- Vùng cảnh quan đồi núi tự nhiên cùng với hệ sinh thái lâm nghiệp bao quanh thành phố cần được giữ gìn, phát huy giá trị nhằm tạo một vành đai xanh, sinh thái bao bọc đô thị, là yếu tố tự nhiên mang lại nét đặc trưng cho thành phố:

+ Vùng đồi núi phía Bắc cần gìn giữ, bảo tồn nguyên vẹn cảnh quan lâm nghiệp đặc trưng nhằm tạo dựng đường chân trời xanh, sinh thái cho thành phố.

+ Vùng đồi núi phía Nam và phía Đông chủ yếu là rừng trồng được gìn giữ và khai thác các sản phẩm từ rừng tuy nhiên khi khai thác cần có các biện pháp phù hợp để bảo tồn được không gian xanh của núi đồi.

+ Vùng đồi núi phía Tây có các biện pháp cải tạo, chỉnh trang và khai thác một phần quỹ đất cho việc xây dựng phát triển và du lịch dịch vụ.

- Vùng cảnh quan sông Bằng, sông Hiến là hành lang sinh thái tự nhiên và giải trí, mang lại cơ hội cho sự phát triển giải trí và thương mại dịch vụ, là một trong những yếu tố tự nhiên tạo nên nét đặc trưng cho thành phố.

9.2.3.2 Các trục không gian đô thị:

- Trục tuyến cảnh quan dọc trục đường Hồ Chí Minh kéo dài tới hết tuyến đường tránh QL3 và trục đường mới phía Nam (đường 58m).

- Trục tuyến cảnh quan dọc trục đường nối QL3 với QL4.

- Trục tuyến cảnh quan dọc trục đường QL4 đến nút giao với tuyến đường tránh QL3.

9.2.4. Quy hoạch các công trình chủ chốt, điểm nhấn và quảng trường

9.2.4.1 Cụm công trình điểm nhấn bao gồm:

- Trung tâm hành chính tỉnh.

- Trung tâm hành chính thành phố

- Cụm công trình văn hóa, thể dục thể thao: Bảo tàng, Trung tâm triển lãm, Nhà hát, Tổ hợp sân vận động, Nhà thi đấu thể thao.

- Cụm công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp tại các khu vực cửa ngõ và các quảng trường giao thông quan trọng vào trung tâm thành phố.

9.2.4.2 Các khu vực quảng trường và tượng đài:

- Quảng trường tượng đài Bác Hồ tại trung tâm hiện hữu của thành phố.

- Quảng trường gắn với trung tâm hành chính mới của tỉnh tại khu vực trung tâm đô thị mới Đề Thám.

- Hệ thống tượng đài được quy hoạch tại các cửa ngõ ra vào thành phố và các địa điểm có không gian rộng như quảng trường, vườn hoa.

- Tổ chức 04 cửa ngõ chính vào thành phố:

+ Cửa ngõ số 1: Hướng Tây Nam từ QL3 và QL34 vào thành phố.

+ Cửa ngõ số 2: Hướng Đông Nam từ QL4 vào thành phố.

+ Cửa ngõ số 3: Hướng Tây Bắc từ đường Hồ Chí Minh vào thành phố.

+ Cửa ngõ số 4: Hướng Đông Bắc từ khu vực cửa khẩu về thành phố.

9.2.5 Hệ thống công viên cây xanh, TDTT

9.2.5.1 Công trình thể dục thể thao:

Hình thành trung tâm thể dục thể thao cấp tỉnh tại khu vực Khuổi Kép phía Nam phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, quy mô khoảng 68 ha, gồm Sân vận động trung tâm, Nhà thi đấu, Bể bơi và Sân thi đấu ngoài trời, là nơi tổ chức các sự kiện văn hóa thể dục thể thao cho tỉnh và thành phố.

9.2.5.2 Công viên cây xanh:

Tổng diện tích công viên cây xanh trong thành phố khoảng 112 ha.

Hoàn thiện hệ thống công viên cây xanh hiện có. Xây mới 1 công viên lớn tại trung tâm Khu đô thị phức hợp Đề Thám, gắn với hành lang xanh từ khu lâm viên phía Nam khu đô thị mới Đề Thám qua bờ sông Bằng nối kết với khu lâm viên Kỳ Sầm. Hình thành các khu công viên đô thị gắn kết với không gian tự nhiên tại trung tâm các khu đô thị.

Hình thành vùng không gian xanh hai bên sông Bằng, sông Hiến kết hợp với các không gian xanh phục vụ khu ở và các không gian dịch vụ thương mại khai thác theo mùa đoạn qua khu trung tâm, tạo nên nét đặc trưng cho trung tâm thành phố. Hình thành các công viên chức năng dọc theo hai bên bờ sông Bằng, nâng cao hình ảnh đô thị đồng thời kết nối với các khu chức năng lân cận.

Hình thành các khu lâm viên vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, ngắm cảnh kết hợp với các hoạt động du lịch và cũng là nơi giới thiệu những loại cây đặc sắc của tỉnh và cho người dân và du khách được trải nghiệm không gian núi đồi, rừng trong lòng thành phố.

Tổ chức các công viên, vườn hoa trong các khu ở kết nối với các công viên đô thị và không gian xanh hai bên sông Bằng, sông Hiến và vùng sinh thái nông nghiệp hai bờ sông hình thành nên một mạng lưới cây xanh liên hoàn cho toàn thành phố.

Đảm bảo tiêu chuẩn đất cây xanh công viên: 6 - 10m²/người, tỷ lệ cây xanh chiếm 5-10% đất xây dựng đô thị.

9.2.6 Các khu dân cư:

- Khu vực dân cư cũ: Giữ lại không gian kiến trúc văn hoá truyền thống các khu dân cư đô thị hiện hữu, làng xóm cũ. Hạn chế không di dời dân cư và xây dựng nhà cao tầng; khuyến khích giữ nguyên mật độ xây dựng và tầng cao như hiện nay, từng bước cải tạo xây dựng chỉnh trang. Bổ sung và hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Các khu đô thị mới: Phát triển các khu nhà ở mới theo hướng hiện đại, tầng cao phù hợp với tổ chức không gian đô thị trong từng khu vực. Khuyến khích phát triển nhà ở gắn kết với địa hình tự nhiên, gắn kết với các hoạt động công cộng đô thị, tạo dựng không gian mở, không gian quảng trường đô thị.

- Phân bố các khu dân cư trên địa bàn thành phố gồm:

+ Khu số dân cư số 1: Khu dân cư đô thị dịch vụ du lịch Cao Bình tại xã Hưng Đạo.

+ Khu dân cư số 2: Khu dân cư đô thị cung cấp dịch vụ hậu cần cho Công nghiệp và trung chuyển hàng hóa nằm một phần tại xã Hưng Đạo và phía Tây Nam phường Đề Thám.

+ Khu dân cư số 3: Khu dân cư khu đô thị phức hợp Đề Thám.

+ Khu dân cư số 4: Khu dân cư phường Ngọc Xuân.

+ Khu dân cư số 5: Khu dân cư phường sông Hiến.

+ Khu dân cư số 6: Khu dân cư trung tâm thành phố hiện hữu gồm phường Hợp Giang, phường Sông Bằng.

+ Khu dân cư số 7: Khu vực phường Hòa Chung.

+ Khu dân cư số 8: Khu vực phường Tân Giang.

+ Khu dân cư số 9: Khu vực Duyệt Trung.

+ Khu dân cư số 10: Khu vực Chu Trinh giáp với Khu công nghiệp Chu Trinh, thuộc xã Chu Trinh.

+ Khu dân cư số 11: Điểm dân cư làng xóm ngoại thị khác, duy trì cấu trúc làng xóm dân cư hiện trạng. Chỉ cải tạo chỉnh trang và bổ sung hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo các nhu cầu sinh sống cho người dân.

+ Khu vực dân cư nông thôn hiện hữu và phát triển nông nghiệp: Các khu vực dân cư làng xóm hiện hữu, cần tuân thủ các định hướng lớn của đô thị và triển khai theo quy hoạch nông thôn mới.

9.2.7 Tầng cao xây dựng

- Giữ gìn đặc trưng địa hình của thành phố, thành phố Cao Bằng là dạng địa hình đồng bằng hẹp ven sông, được bao bọc bởi hệ thống núi đồi với cao độ tự nhiên giao động từ 300m đến 600m.

- Thành phố Cao Bằng là đô thị cải tạo, đan xen nhiều bởi các khu xây cũ và làng xóm cũ. Vì vậy chiều cao công trình xây dựng mới không quá cao so với khu vực cũ.

- Phương án khống chế độ cao xây dựng:

+ Trong các khu đô thị mới sẽ hình thành các cụm điểm công trình được xây dựng với tầng cao từ 9 -15 tầng. Một số khu vực điểm nhấn cao trên 18 tầng.

+ Dọc theo các tuyến đường chính đô thị khuyến khích tầng cao tối thiểu 5 tầng đối với công trình sở hữu nhà nước và tối thiểu 3 tầng đối với công trình sở hữu tư nhân.

+ Tại nút giao giữa các tuyến đường chính khu vực khuyến khích xây dựng cao trên 5 tầng.

+ Các khu vực hành chính, đào tạo nghề, nghiên cứu khoa học, y tế tầng cao tối thiểu 3 tầng.

+ Các khu làng xóm cũ giữ nguyên tầng cao như hiện nay, hạn chế tối đa xây dựng nhà cao ở bên trong các làng cũ. Chiều cao tối đa là 5 tầng.

+ Các khu vực khác, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể để xác định chiều cao của công trình kiến trúc cho phù hợp.

9.2.8 Các khu vực du lịch sinh thái

Hình thành hai khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch núi và sinh thái nông lâm nghiệp trên địa bàn thành phố:

+ Phía Bắc quy hoạch Khu du lịch lâm viên sinh thái gắn với tâm linh tại Kỳ Sầm có quy mô 150,5 ha.

+ Phía Tây Nam quy hoạch khu du lịch đồi núi kết hợp với hồ Khuổi Lái trở thành khu nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, quy mô 20,4 ha.

10. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

10.1. Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

10.1.1 Định hướng nền xây dựng:

- Khu vực xây dựng xen cây, cải tạo: cao độ nền công trình cần khống chế tối thiểu $H_{min} \geq +184,5m$, sàn công trình $\geq +185,5m$, hạn chế tối đa hiện tượng ngập úng.

- Khu vực phát triển xây dựng mới:

+ Khu vực đất ở, dịch vụ, nền xây dựng chọn cao độ nền $H_{nền} \geq +186,7m$.

+ Khu vực cây xanh cao độ nền $H_{nền} \geq +185m$.

+ Khu vực công nghiệp ứng với cao độ nền $H_{nền} \geq +186,5m$. Giải pháp san nền với các khu công nghiệp tập trung (khu công nghiệp Đê Thám cũ): chỉ san sơ bộ, tạo độ dốc nền $I_{nền} < 10\%$, khi triển khai dự án, tùy theo yêu cầu, tính chất, nhiệm vụ của khu công nghiệp mới san chi tiết nhằm tận dụng địa hình.

+ Khu vực sân bay dự kiến xây dựng tại khu vực xã Bạch Đằng, cao độ nền hiện trạng biến thiên từ $+(232 \div 300)m$, không chịu ảnh hưởng của thủy văn sông Bằng. Dòng chảy sông Hiến qua khu vực xây dựng sân bay dự kiến vẫn chính phù hợp với mặt bằng của sân bay (thể hiện trong bản đồ định hướng chuẩn bị kỹ thuật).

- Các khu vực có độ dốc lớn:

+ Dự kiến dùng giải pháp san nền giạt cáp theo địa hình.

+ Xây dựng các công trình ổn định nền, móng như ta luy, tường chắn tại các thềm xây dựng có độ chênh cao giữa hai thềm: $h > 1,5m$.

+ Trồng cỏ gia cố mái ta luy, chống sạt lở đất, trôi trượt mái dốc.

- Khu vực nền địa hình ven sông Bằng, sông Hiến :

+ Lưu ý địa chất các thềm bồi, thường có cường độ chịu tải yếu, cần khảo sát kỹ địa chất công trình để có giải pháp thích hợp đối với kết cấu công trình.

+ Khu vực ven suối, trục tiêu chính: không xây dựng trong hành lang bảo vệ kênh mương thủy lợi, hành lang xanh cách ly. Công trình xây dựng ven theo các khe tụ thủy cần lưu ý các lớp đất hữu cơ yếu, nguy cơ bị ảnh hưởng sạt lở đất đá, lũ quét.

+ Các khu vực sinh thái, mật độ thấp, xây dựng trong thềm song, lưu ý các giải pháp công trình cho móng để đảm bảo công trình không ngập lũ đồng thời không ảnh hưởng đến việc lưu thông dòng chảy mùa lũ.

- Khống chế độ dốc san nền giao thông:

+ Đường đô thị: $I_{max} < 8\%$

+ Đường vành đai: $I_{max} < 10\%$

10.1.2 Định hướng thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát:

+ Dự kiến xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa nước mưa và nước thải để đảm bảo vệ sinh môi trường và khả năng tận dụng địa hình tự nhiên được tối đa. Hệ thống hoạt động theo chế độ tự chảy.

+ Khu vực đô thị cải tạo: Dự kiến sử dụng hệ thống cống nửa riêng tại khu vực nội thị cũ.

- Phân chia lưu vực:

+ Lưu vực phía Bắc sông Bằng: gồm nhiều tiểu lưu vực như lưu vực suối Cùn, suối Khuổi Khoán. Hướng thoát chính: Hướng Bắc - Nam, thoát về sông Bằng.

+ Lưu vực phía Nam sông Bằng gồm:

Lưu vực Tây Nam thành phố gồm 3 tiểu lưu vực lớn: suối Miềm, suối Khau Đồn, suối Khuổi Phiêu. Thoát theo hướng Nam-Bắc và Tây Nam-Đông Bắc vào sông Bằng; Lưu vực Đông Nam thành phố gồm 2 tiểu lưu vực lớn: suối Khuổi Tào, suối Nà Khoang. Thoát theo hướng Nam-Bắc và Tây Nam.

Lưu vực sông Hiến gồm nhiều tiểu lưu vực suối lớn. Hướng thoát chính: Hướng Nam Bắc, hợp lưu với sông Bằng tại phường Hợp Giang.

10.1.3 Nội dung chuẩn bị kỹ thuật khác:

- Nắn chỉnh dòng chảy sông Hiến đoạn đi qua khu vực dự kiến xây dựng sân bay nhằm tạo quỹ đất và mặt bằng thuận lợi cho xây dựng.

- Nạo vét các suối Miềm, Khau Đồn, Khuổi Phiêu, Khuổi Tào, suối Cùn, suối Nà Khoang để phù hợp với mặt bằng xây dựng và mạng lưới đường dự kiến.

- Xây dựng hệ thống hồ đa năng kết hợp điều tiết nước tại các khu vực:

+ Hồ công viên trung tâm khu đô thị mới Đề Thám vị trí thuộc khu N3.4 phường Đề Thám.

+ Hệ thống hồ điều tiết nước mặt suối Miềm thuộc khu N3.5 phường Sông Hiến.

+ Hệ thống hồ điều tiết nước mặt suối Khuổi Phiêu thuộc N2.2, N3.1, N3.3 phường Đề Thám.

- Với dạng địa hình miền núi cần có các biện pháp phòng tránh thiên tai, đặc biệt các dạng thiên tai: lũ quét, sạt lở tại các vùng đã cảnh báo.

10.2. Định hướng quy hoạch giao thông:

10.2.1 Định hướng phát triển giao thông đối ngoại

- Định hướng và nghiên cứu triển khai sớm 02 tuyến đường cao tốc để nối kết với Lạng Sơn và Bắc Kạn.

- Đề xuất quy hoạch một tuyến vành đai mới kết nối các đường quốc lộ 3, HCM, 4A, 34 và đường tỉnh 203, 209 qua thành phố Cao Bằng. Đây là tuyến đường phân luồng giao thông hàng hóa và hành khách khi vào thành phố. Quy mô tuyến lộ giới 19m, hành lang bảo vệ đường bộ 10m mỗi bên, chiều dài tuyến 18km.

10.2.2 Giao thông đô thị

a) Mạng lưới giao thông nội thị:

Mạng lưới giao thông thành phố xây dựng theo mạng kết hợp. Khu vực đô thị mới Đề Thám tổ chức mạng lưới ô bàn cờ dựa trên mạng khung hai đường 58m và 43m. Khu cũ xây dựng, cải tạo lại theo dạng hình tia hướng tâm và ô bàn cờ trong khu vực lõi phường Hợp Giang. Các khu vực mới xây dựng theo dạng ô cờ kết hợp với đường theo địa hình dựa trên nguyên tắc tôn trọng hiện trạng, tôn trọng địa hình tự nhiên. Các trục đường trong khu thành phố cũ được cải tạo và

nâng cấp, hệ đường và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật đi kèm phải được hoàn thiện đáp ứng tiêu chuẩn của đường đô thị. Các trục đường làm mới thiết kế mặt cắt ngang theo phân cấp chức năng của từng loại đường.

b) Quy mô phân cấp các tuyến đường: Những đoạn qua khu vực đã ổn định xây dựng và do điều kiện địa hình không thể mở rộng giữ lộ giới tối thiểu như định hướng; Tuy nhiên khi xây dựng cải tạo đối với công trình nhà ở có thể cho phép chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ và với công trình công cộng, dịch vụ đảm bảo khoảng lùi tối thiểu 3m.

- Mặt cắt 1-1 (Quốc lộ 3 và Quốc lộ 4)

+ Lòng đường: 9 m.

+ Lề đường: $1,5\text{m} \times 2 = 3\text{m}$.

+ Hành lang bảo vệ đường bộ: 20m

Đường gom hai bên:

+ Lòng đường: 7,5m

+ Vĩa hè: $3+5= 8\text{m}$

- Mặt cắt 2-2 (đường nối QL3-QL4):

+ Lòng đường: 9m.

+ Lề đường: $1,5\text{m} \times 2 = 3\text{m}$.

+ Hành lang bảo vệ: 10m

- Mặt cắt 3-3 (tuyến đường 58m):

+ Lòng đường: $11,5\text{m} \times 2 = 22\text{m}$.

+ Dải phân cách giữa: 5m.

+ Vĩa hè: $6\text{m} \times 2 = 12\text{m}$.

+ Phân cách phụ: $2\text{m} \times 2 = 4\text{m}$

- Mặt cắt 4-4 (43m):

+ Lòng đường: $10,5\text{m} \times 2 = 21\text{m}$.

+ Dải phân cách giữa: 8m.

+ Hè đường: $7\text{m} \times 2 = 14\text{m}$.

- Đường chính khu vực mặt cắt ngang $13 \div 20,5\text{m}$:

c) Hệ thống công trình phục vụ giao thông:

- Xây dựng mới 06 cầu qua sông Bằng.

Cầu 1: Nối khu vực Nam Phong sang trung tâm xã Hưng Đạo.

Cầu 2: Nối khu vực Đề Thám sang khu vực núi Kì Sầm.

Cầu 3: Nối khu vực Đề Thám sang trung tâm xã Vĩnh Quang.

Cầu 4: Nối từ khu vực Hợp Giang sang Sông Bằng.

Cầu 5: Nối từ khu vực Hợp Giang sang Hòa Chung.

Cầu 6: Nối từ khu vực Hợp Giang sang Ngọc Xuân.

- Nút giao thông: Xây dựng hệ thống các nút giao cắt đúng tiêu chuẩn:

+ Nút giao QL 3 và QL34 với tuyến đường 58m nút giao thông đảo tròn và tổ chức nhánh rẽ phải quy mô 1,5ha.

+ Nút giao đường 58m với tuyến đường nối QL3 và QL4 nút giao thông đảo kênh hóa phân luồng tự điều khiển quy mô 1 ha.

+ Nút giao đường HCM với tuyến đường 43m thiết kế đảo tròn quy mô 1ha.

+ Nút giao thông đường QL4 với tuyến đường nối 3, 4 thiết kế nút đảo tam giác tự phân luồng giao thông quy mô 0,8ha.

- Cải tạo xây dựng hệ thống các bến, bãi đỗ xe.

Bến xe liên tỉnh hiện nay nằm sâu trong nội đô sẽ được giữ lại để hỗ trợ cho các bến xe liên tỉnh mới kết hợp phục vụ vận tải hành khách công cộng nội đô. Các bến xe xây dựng mới dự kiến có diện tích từ 2-3ha, kết hợp các điểm đầu cuối xe buýt nội đô. Dự kiến xây dựng 2 bến xe đối ngoại mới gồm: bến xe liên tỉnh tại phía Tây và bến xe Miền Đông phía Đông Bắc thành phố.

Bố trí các bãi đỗ xe cho các khu du lịch, trung tâm thương mại, diện tích bãi đỗ được tính toán đảm bảo tiếp nhận. Trong khuôn viên mỗi công trình công cộng dịch vụ khác cần dành quỹ đất làm bãi đỗ xe trong khuôn viên.

- Hệ thống xe buýt: Bố trí dọc theo các tuyến đường chính và đường vành đai để hỗ trợ các tuyến đường có lưu lượng vận chuyển lớn. Các tuyến xe buýt cũng được bố trí dọc theo các hành lang giao thông giữa các tuyến đường chính. Các điểm xe buýt nội đô bố trí đảm bảo bán kính trung bình 500m /1 bến.

10.3 Định hướng quy hoạch cấp nước

a) Tổng nhu cầu cấp nước:

- Tổng nhu cầu cấp nước năm 2020: 20.000 m³/ngđ.

- Tổng nhu cầu cấp nước năm 2030: 32.000 m³/ngđ.

b) Giải pháp quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước:

+ Giai đoạn 2020: Khai thác nguồn nước mặt sông Bằng và sông Hiến với công suất khai thác: 20.000 m³/ngđ.

+ Giai đoạn 2030: Tiếp tục khai thác nguồn nước mặt sông Bằng và sông Hiến công suất khai thác: 32.000 m³/ngđ.

+ Nguồn nước ngầm sẽ là nguồn nước hỗ trợ, dự phòng.

c) Các công trình đầu mối:

- Giai đoạn 2020:

+ Giữ nguyên trạm bơm cấp 1 và nhà máy nước Tân An hiện có công suất 10.000 m³/ngđ, cùng quy trình xử lý nước và nguồn nước sông Hiến.

+ Nâng công suất trạm bơm cấp 1 và nhà máy nước sông Bằng từ 5.000 m³/ngđ lên 10.000 m³/ngđ.

- Giai đoạn 2030:

+ Giữ nguyên trạm bơm cấp 1 và nhà máy nước Tân An hiện có công suất 10.000 m³/ngđ, cùng quy trình xử lý nước và nguồn nước sông Hiến.

+ Giữ nguyên trạm bơm cấp 1 và nhà máy nước Sông Bằng công suất 10.000 m³/ngđ, cùng quy trình xử lý nước và nguồn nước sông Bằng.

+ Xây dựng mới trạm bơm cấp 1 và nhà máy nước sông Bằng 2 công suất: 12.000 m³/ngđ, nguồn nước lấy từ sông Bằng.

d) Mạng lưới cấp nước: Căn cứ vào mạng lưới cấp nước hiện có, thiết kế đảm bảo cấp nước tới các hộ tiêu thụ. Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạng vòng có đường kính D100mm-D400mm với tổng chiều dài khoảng 82.039m, vật liệu ống cấp nước chọn ống gang dẻo, ống nhựa HDPE.

Mạng lưới cấp nước thành phố Cao Bằng được thiết kế phân làm 7 khu:

+ Khu 1, khu 2 giai đoạn 1 sử dụng nước từ nhà máy nước sông Bằng hiện có; giai đoạn 2 sử dụng nước từ nhà máy nước sông Bằng 2.

+ Khu 3 giai đoạn 1 sử dụng nước từ nhà máy nước sông Bằng hiện có, giai đoạn 2 sử dụng kết hợp cả 2 nhà máy nước sông Bằng và sông Bằng 2.

+ Khu 4: sử dụng nước từ nhà máy nước Tân An. Một phần phường Hợp Giang mạng lưới nước hiện có.

+ Khu 5: sử dụng nước từ nhà máy nước Sông Bằng hiện có.

+ Khu 6: Dân cư phân bố theo cụm nhỏ mạng lưới thiết kế lấy đường kính theo cấu tạo và sử dụng nguồn nước từ nhà máy nước Tân An.

+ Khu 7: Dân cư làng xóm sống rải rác vì thế dân ở khu này sẽ sử dụng nguồn nước từ giếng khoan, nước suối..

e) Cấp nước chữa cháy: Sử dụng mạng lưới chữa cháy kết hợp chung với cấp nước sinh hoạt và công nghiệp. Mạng lưới cấp nước chữa cháy sử dụng áp lực thấp.

10.4. Định hướng quy hoạch cấp điện

10.4.1 Dự báo phụ tải:

- Công suất yêu cầu năm 2020 khoảng: 50,18 MW.

- Công suất yêu cầu năm 2030 khoảng: 78,85 MW.

10.4.2 Phương án Quy hoạch cấp điện:

a) Nguồn điện:

- Theo Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Cao Bằng đến 2015 đã được phê duyệt, trạm 220kV Cao Bằng sẽ nâng công suất lên 2x125MVA trong giai đoạn 2015-2020.

- Trạm 110kV với công suất 2x40MVA vẫn có thể đáp ứng nếu chỉ cấp cho thành phố. Tuy nhiên vẫn cần nâng công suất lên 40+63MVA sẽ đảm bảo cung cấp điện nếu có phát triển đột biến trong tương lai.

b) Trạm biến áp lưới 22/0,4kV:

- Trạm hạ thế trong các khu công nghiệp tuân thủ theo thiết kế về quy mô và vị trí theo từng nhà máy cụ thể. Trong khu công nghiệp không yêu cầu về hình thức mỹ quan của nhà trạm trừ các vị trí tiếp giáp với trục giao thông lớn, công trình hành chính.

- Trong các khu dân cư, đô thị xây mới nên sử dụng trạm kín kiểu xây hoặc hợp bộ để đảm bảo mỹ quan đô thị. Quy mô chiếm đất các trạm trong khoảng 20-40m², đặt tại các vị trí cây xanh và trong các công trình có phụ tải lớn.

c) Quy hoạch lưới điện:

- Tuyến 220kV có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Cao Bằng và các tỉnh lân cận, do đó giữ nguyên tuyến 220kV.

- Mạng lưới 110kV cần cải tạo và di dời theo các tuyến giao thông đảm bảo mỹ quan đô thị và an toàn vận hành lưới điện. Thiết kế lưới điện 110kV sẽ đảm bảo tiêu chí N-1, mỗi trạm 110kV được cấp điện từ 2 đường dây 110kV trở lên.

- Có 2 tuyến 220kV và 3 tuyến 110kV xây dựng mới:

+ Tuyến 220kV mạch kép Cao Bằng - Bắc Kạn ACSR-400 chiều dài toàn tuyến 70km, có 5km trong ranh giới thiết kế (giai đoạn 2020).

+ Tuyến 220kV mạch đơn Cao Bằng - Lạng Sơn ACSR-400 chiều dài toàn tuyến 125km, có 5,3km trong ranh giới thiết kế (giai đoạn 2030).

+ Tuyến 110kV mạch kép từ trạm 220kV Cao Bằng đi trạm 110kV Hòa An tiết diện AC-185, có 2km trong ranh giới.

+ Tuyến 110kV mạch kép từ trạm 220kV Cao Bằng đi trạm 110kV Nguyên Bình tiết diện AC-185, dài 2,4km trong ranh giới.

+ Tuyến 110kV mạch 2 từ trạm 220kV Cao Bằng đi trạm 110kV Cao Bằng tiết diện AC-185, có 6km trong ranh giới.

- Lưới trung áp sẽ từng bước cải tạo về cấp điện áp 22kV phù hợp với mật độ phụ tải và đảm bảo tiêu chuẩn của ngành điện.

- Tại các khu đô thị đã ổn định: lưới điện phải được ngầm hóa để đảm bảo cảnh quan đô thị, tránh đầu tư nhiều lần.

- Hệ thống điện hạ thế thống nhất sử dụng cấp điện áp 380/220V trung tính nối đất trực tiếp. Với khu đô thị mới đầu tư đồng bộ, lưới điện hạ thế phải đi ngầm. Vùng ngoại thị hoặc khu chưa ổn định về quy hoạch có thể đi nổi bằng cáp vặn xoắn.

- Lưới điện hạ thế có bán kính cấp điện không quá 300m trong đô thị, không quá 500m phạm vi ngoài đô thị nhằm tránh độ sụt áp cuối đường dây quá định mức cho phép.

- Lưới chiếu sáng:

+ Xây dựng hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng đèn đường, chiếu sáng cảnh quan, lễ hội cho khu vực nghiên cứu. Bổ sung các tuyến chiếu sáng cho các trục đường và các khu dân cư.

+ Các tuyến chiếu sáng trục chính nên sử dụng kiểu chiếu sáng độc lập bằng hệ thống cột thép mạ kẽm nhúng nóng. Trong khu dân cư, lưới chiếu sáng có thể đi chung cột với tuyến điện 0,4kV cấp cho sinh hoạt.

+ Các tuyến đường có mặt cắt lớn hơn 10,5m sẽ được bố trí chiếu sáng 2 bên đường, đường có mặt cắt nhỏ hơn 10,5m bố trí chiếu sáng một bên đường. Đèn sử dụng các loại có hiệu suất quang cao như đèn Sodium, đèn LED, công suất từ

220V-150W đến 220V-400W. Các đường trục chính trong đô thị tuyến chiếu sáng bố trí đi ngầm dùng cáp đồng, tiết diện không nhỏ hơn XLPE-3x16+1x10mm².

10.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

10.5.1 Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

a) Nước thải sinh hoạt:

Dự báo khối lượng nước thải: Đợt đầu 13.460 m³/ngđ, dài hạn 19.660 m³/ngđ. Toàn thành phố sẽ chia thành 5 lưu vực thoát nước chính:

- Lưu vực 1: Bao gồm các khu I và khu III (khu đô thị dịch vụ tập trung xã Hưng Đạo và khu đô thị tập trung phường Đề Thám). Mạng lưới thoát nước thải có đường kính từ D200mm ÷ D500 mm, với tổng chiều dài 53.480m.

Trong phạm vi lưu vực 1, xây dựng 4 trạm bơm nước thải chuyển tiếp:

+ Trạm bơm số 1 công suất 1400 m³/ngđ

+ Trạm bơm số 2 công suất 1000 m³/ngđ

+ Trạm bơm số 3 công suất 1550 m³/ngđ

+ Trạm bơm số 4 công suất 4100 m³/ngđ

Xây dựng 1 trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 1, vị trí khu vực cây xanh phía Tây Bắc phường Đề Thám, công suất 6000 m³/ngđ, diện tích đất xây dựng là 3 ha. Nước sau xử lý xả ra sông Bằng.

- Lưu vực 2: Bao gồm khu V, khu VII (khu dân cư tập trung phường Sông Hiến và một phần dân cư phường Hoà Chung phía Bắc sông Hiến). Mạng lưới thoát nước thải dự kiến có đường kính từ D200mm ÷ D300 mm, với tổng chiều dài 22.620m.

Trong phạm vi lưu vực 2, xây dựng 4 trạm bơm nước thải chuyển tiếp:

+ Trạm bơm số 5 công suất 550 m³/ngđ

+ Trạm bơm số 6 công suất 1200 m³/ngđ

+ Trạm bơm số 7 công suất 1450 m³/ngđ

+ Trạm bơm số 8 công suất 1730 m³/ngđ.

Xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 2, vị trí phía Nam đường tránh 58m, công suất 2000 m³/ngđ, diện tích xây dựng 1 ha. Nước thải sau khi xử lý xả ra sông Bằng.

- Lưu vực 3: Khu VII, khu dân cư phường Hoà Chung (phía Nam sông Hiến). Mạng lưới thoát nước thải dự kiến có đường kính từ D200mm ÷ D300 mm, với tổng chiều dài 5080m.

Các khu vực dân cư tập trung phía Tây đường nối QL3-4 và một phần dân cư phía Đông QL3-4 nước thải sẽ được xử lý cục bộ tại 2 bể xử lý nước thải hợp khối (bể tự hoại, composite thiết kế theo QCVN14:2008/BTNMT) có công suất từ 160 m³/ngđ và 170 m³/ngđ. Nước thải sau khi xử lý xả ra sông Hiến.

- Lưu vực 4: Bao gồm khu VIII và khu IV (khu dân cư tập trung phường Tân Giang và phường Duyệt Trung). Mạng lưới thoát nước thải dự kiến có đường kính từ D200mm ÷ D400 mm, với tổng chiều dài 6.505m.

Trong phạm vi lưu vực 4, xây dựng 2 trạm bơm nước thải chuyển tiếp:

+ Trạm bơm số 9 công suất 750 m³/ngđ.

+ Trạm bơm số 10 công suất 2800 m³/ngđ.

Xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 3, vị trí khu vực cây xanh, công suất 2800 m³/ngđ, diện tích xây dựng 0,8 ha. Nước thải sau khi xử lý xả ra suối.

- Lưu vực 5: Bao gồm các khu IV và khu VI (khu dân cư hiện hữu phường Hợp Giang và sông Bằng). Tại lưu vực này chủ yếu là thực hiện theo dự án thoát nước đã lập. Các tuyến cống thoát nước thải có đường kính D300mm. Xây dựng 3 trạm bơm nước thải chuyển tiếp theo dự án:

+ Trạm bơm số 1 công suất 2030 m³/ngđ

+ Trạm bơm số 2 công suất 2900 m³/ngđ

+ Trạm bơm số 3 công suất 4490 m³/ngđ

Trong lưu vực này có bổ sung một số tuyến cống thoát nước thải D200mm ÷ D300mm, với tổng chiều dài 10.764m. Xây dựng bổ sung 2 trạm bơm chuyển tiếp:

+ Trạm bơm số 11 công suất 460 m³/ngđ

+ Trạm bơm số 12 công suất 730 m³/ngđ

Xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung theo dự án, vị trí phía Đông Nam thành phố, công suất 6000 m³/ngđ, diện tích đất xây dựng là 1,4 ha. Nước sau xử lý xả ra sông Bằng.

- Lưu vực 6: Bao gồm các khu vực có mật độ xây dựng thấp tại phường (Đề Thám, Ngọc Xuân, Duyệt Trung). Nước thải sẽ phải xử lý cục bộ bằng các bể xử lý có công suất nhỏ trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

b) Nước thải công nghiệp:

Nước thải sẽ được xử lý riêng tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung. Xây dựng 3 trạm xử lý nước thải công nghiệp có công suất:

+ Trạm xử lý CN1: công suất 2400 m³/ngđ.

+ Trạm xử lý CN2: công suất 760 m³/ngđ.

+ Trạm xử lý CN3: công suất 1100 m³/ngđ.

Nước thải khu công nghiệp sau khi xử lý phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường bên ngoài.

10.5.2. Thu gom và xử lý chất thải rắn:

- Dự báo khối lượng chất thải rắn: đợt đầu 125 tấn; dài hạn 183,2 tấn.

- Giải pháp thu gom:

+ Chất thải rắn được phân loại tại nguồn thải thành 2 loại: chất thải rắn hữu cơ và vô cơ trước khi thu gom. Chất thải rắn hữu cơ sẽ được tận dụng để sản xuất phân vi sinh. Chất thải rắn vô cơ được thu hồi tái chế.

+ Chất thải rắn công nghiệp: trong các nhà máy cần thu gom phế liệu để tái sản xuất nhằm hạ giá thành sản phẩm và trao đổi phế liệu giữa các nhà máy.

+ Chất thải rắn y tế sinh hoạt được thu gom và xử lý cùng chất thải rắn đô thị. Chất thải rắn y tế nguy hại và công nghiệp phải được xử lý bằng lò đốt đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

+ Nâng cấp bãi chôn lấp chất thải rắn tại Nà Làn, xã Chu Trinh thành khu liên hợp xử lý chất thải rắn, sẽ bao gồm nhà máy chế biến phân vi sinh, lò đốt chất thải rắn nguy hại và bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh, quy mô 37,3 ha (phần mở rộng 30 ha).

10.5.3 Nghĩa trang, nhà tang lễ:

- Dự báo nhu cầu đất nghĩa trang: đợt đầu 5,4 ha; dài hạn 53 ha.

a) Nghĩa trang:

- Định hướng quy hoạch Nghĩa trang Nà Toòng sẽ đóng cửa làm nơi thăm viếng, một số nghĩa trang nhỏ rải rác tại các phường nằm trong khu vực phát triển đô thị sẽ từng bước di dời đến nghĩa trang tập trung của thành phố.

- Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn thành phố như sau:

+ Khu vực phía Tây thành phố, dự kiến mở rộng nghĩa trang Nam Phong - xã Hưng Đạo với diện tích khoảng 35 ha (trên đường đi Nguyễn Bình).

+ Khu vực Phía Đông Nam thành phố thuộc xã Chu Trinh, diện tích khoảng 18ha. Nghĩa trang này sẽ xây lò hỏa táng, nhằm giảm nhu cầu chiếm đất, giảm ô nhiễm môi trường.

b) Nhà tang lễ:

Trong khuôn viên tại hai bệnh viện xây mới, diện tích 1000m²/nhà:

+ Bệnh viện đa khoa phía Đông phường Sông Bằng.

+ Bệnh viện đa khoa phía Nam khu đô thị mới Đề Thám

10.6. Định hướng quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Dự báo nhu cầu mạng lưới thông tin liên lạc đến 2030 là 70.608 lines.

- Hệ thống chuyển mạch: Tăng dung lượng các trạm Host và các trạm vệ tinh trong giai đoạn tới, dần chuyển đổi công nghệ cũ sang công nghệ mới thế hệ sau.

- Truyền dẫn: Để đảm bảo nhu cầu băng thông cần thực hiện cáp quang hoá toàn Thành phố, dung lượng các tuyến nhánh trên 622Mb/s, dung lượng vòng Ring trên 2,5Gb/s. Cáp quang hóa toàn bộ các tuyến trục trên địa bàn thành phố. Ngầm hóa cáp quang tại các dự án xây dựng mới, thực hiện việc ngầm hóa cáp quang khu vực lõi đô thị hiện tại.

- Mạng ngoại vi :

+ Xây dựng mới các tuyến cáp tín hiệu chính tới các khu đất, từ đó phối cáp cho các mạng cáp thuê bao.

+ Xây dựng hệ thống công bề theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng công bề để phát triển dịch vụ.

+ Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống công bề, trên đường nội bộ có mặt cắt nhỏ, có thể trôn trực tiếp ống nhựa xuống mặt đường, để đảm bảo chất lượng

thông tin và mỹ quan đô thị. Và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác nhằm tiết kiệm chi phí khi thi công.

+ Các cống bê cấp và nắp bê đã được chuẩn hoá về kích thước cũng như kiểu dáng - theo quy chuẩn của ngành.

- Mạng di động:

Mạng thông tin di động phát triển theo hướng mở rộng vùng phủ sóng bằng các biện pháp lắp thêm các trạm BTS, đồng thời nâng cấp cấu hình các trạm, mặt khác chuyển đổi công nghệ hướng đến cung cấp các dịch vụ đa phương tiện trên mạng di động.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tăng cường đầu tư, tiếp tục phát triển, nâng cấp hệ thống, triển khai các công nghệ và dịch vụ mới (GPRS, W-CDMA, HSDPA), mở rộng vùng phủ sóng để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh.

10. Đánh giá môi trường chiến lược: Tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

- UBND thành phố Cao Bằng phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện công bố, công khai đề án quy hoạch nêu trên; Tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng, quản lý trật tự xây dựng theo đúng quy hoạch được phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành.

- Sở Xây dựng có trách nhiệm cung cấp thông tin quy hoạch về đề án quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Cao Bằng và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, Phó CT UBND tỉnh;
- Thành ủy Cao Bằng;
- VP: CVP, các PCVP,
- CV: phòng KT, TH,
- Công TT điện tử;
- Lưu: VT, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh